

THE EFFECT OF NURSING STUDENTS' PERCEPTIONS OF PROFESSIONAL PRACTICAL TEACHING ON THEIR PRACTICAL LEARNING PERFORMANCE: THE MEDIATING ROLE OF ACADEMIC PREPARATION AND PROFESSIONAL COMPETENCE

Le Hong Khanh

Email: lslehongkhanh1978@gmail.com

Saigon College of Pharmacy
215D-215E, No Trang Long street,
BinhThanh ward, Ho Chi Minh City,
Vietnam

Received: 01/4/2026

Revised: 16/5/2026

Accepted: 10/6/2026

Published: 15/7/2026

Abstract: This study examines the mechanism by which nursing students' perceptions of professional practice teaching influence their practical learning effectiveness. Drawing on the theory of self-regulated learning, the research hypothesizes that this relationship is mediated by learning preparedness and professional competence. A quantitative cross-sectional design was used, and data was collected from 226 nursing students and recent graduates with prior practical training experience. Data was analyzed using Partial Least Squares Structural Equation Modeling (PLS-SEM). The results indicate that perceptions of teaching do not directly affect practical learning effectiveness. Instead, this relationship is fully mediated by learning preparedness and professional competence. Specifically, a positive perception of professional teaching motivates students to be well-prepared for their practical sessions, and this preparedness, in turn, enhances their professional competence. Ultimately, both preparedness and competence directly and positively influence learning performance. These findings suggest that to improve the quality of practical training, educators should focus on developing students' positive perceptions of the teaching process. Creating a structured learning environment that encourages preparation and develops professional skills is crucial for transforming a positive attitude into concrete learning outcomes.

Keywords: *Nursing education, professional practice, learning performance, learning preparedness, professional competence, PLS-SEM.*

ẢNH HƯỞNG CỦA NHẬN THỨC VỀ GIẢNG DẠY THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP ĐẾN HIỆU QUẢ HỌC TẬP THỰC HÀNH CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG: VAI TRÒ TRUNG GIAN CỦA SỰ CHUẨN BỊ HỌC TẬP VÀ NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP

Lê Hồng Khanh

Email: lslehongkhanh1978@gmail.com

Trường Cao đẳng Dược Sài Gòn
Số 215D-215E Nơ Trang Long, Phường Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhận bài: 01/4/2026

Chỉnh sửa xong: 16/5/2026

Chấp nhận đăng: 10/6/2026

Xuất bản: 15/7/2026

Tóm tắt: Nghiên cứu này phân tích cơ chế tác động của nhận thức về giảng dạy thực hành nghề nghiệp đến hiệu quả học tập thực hành của sinh viên điều dưỡng. Dựa trên lý thuyết tự điều chỉnh học tập, chúng tôi giả thuyết rằng, mối quan hệ này được trung gian bởi sự chuẩn bị học tập và năng lực nghề nghiệp. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng với thiết kế cắt ngang, thu thập dữ liệu từ 226 sinh viên và cựu sinh viên ngành Điều dưỡng có kinh nghiệm đào tạo thực hành. Dữ liệu được phân tích bằng kỹ thuật Mô hình hóa phương trình cấu trúc Bình phương tối thiểu riêng phần (PLS-SEM). Kết quả cho thấy, nhận thức về giảng dạy không có tác động trực tiếp đến hiệu quả học tập thực hành. Thay vào đó, mối quan hệ này được trung gian hoàn toàn bởi sự chuẩn bị học tập và năng lực nghề nghiệp. Cụ thể, nhận thức tích cực về giảng dạy thúc đẩy sinh viên chuẩn bị kỹ lưỡng cho các buổi thực hành và chính sự chuẩn bị này, đến lượt nó, lại nâng cao năng lực nghề nghiệp của họ. Cuối cùng, cả sự chuẩn bị và năng lực đều có ảnh hưởng tích cực và trực tiếp đến hiệu quả học tập. Những phát hiện này cho thấy để cải thiện chất lượng đào tạo thực hành, các nhà giáo dục cần tập trung vào việc xây dựng nhận thức tích cực cho sinh viên về quá trình giảng dạy. Việc tạo ra một môi trường học tập có cấu trúc, khuyến khích sự chuẩn bị và phát triển năng lực chuyên môn, là chìa khóa để chuyển hóa thái độ tích cực thành kết quả học tập cụ thể.

Từ khóa: *Đào tạo điều dưỡng, thực hành nghề nghiệp, hiệu quả học tập, sự chuẩn bị học tập, năng lực nghề nghiệp, PLS-SEM.*

1. Đặt vấn đề

Giảng dạy kỹ năng thực hành nghề nghiệp là một cấu phần then chốt của chương trình đào tạo điều dưỡng, giúp người học chuyển hóa kiến thức lý thuyết thành năng lực hành nghề trong môi trường lâm sàng. Chính năng lực này giữ vai trò quyết định đối với khả năng đáp ứng yêu cầu công việc và chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe (Natarajan và cộng sự, 2022). Trong bối cảnh hệ thống y tế đòi hỏi đội ngũ điều dưỡng có trình độ ngày càng cao, việc nâng cao hiệu quả học tập thực hành trở thành một ưu tiên chiến lược của các cơ sở đào tạo (Dehghan và cộng sự, 2018).

Hiệu quả học tập thực hành không chỉ phụ thuộc vào nội dung và phương pháp giảng dạy mà còn gắn liền với trải nghiệm mà sinh viên tiếp nhận trong quá trình học. Những trải nghiệm này phản ánh nhận thức của sinh viên về hoạt động giảng dạy thực hành. Hiểu được vai trò của việc học thực hành có thể thúc đẩy sinh viên chuẩn bị trước buổi học, tham gia tích cực vào các tình huống mô phỏng và sẵn sàng tiếp thu phản hồi để cải thiện kỹ năng (Willemse & Bozalek, 2015). Ngược lại, nhận thức hạn chế có thể dẫn tới sự thụ động, làm giảm mong muốn tiếp thu kiến thức và hạn chế sinh viên tư duy vận dụng kỹ năng (Emaliyawati và cộng sự, 2025).

Xuất phát từ cơ sở trên, nghiên cứu này nhằm phân tích ảnh hưởng của nhận thức về giảng dạy thực hành nghề nghiệp đến hiệu quả học tập thực hành của sinh viên điều dưỡng, đồng thời làm rõ vai trò trung gian của sự chuẩn bị học tập và năng lực nghề nghiệp. Kết quả dự kiến sẽ cung cấp cơ sở khoa học giúp các cơ sở đào tạo tối ưu hóa phương pháp giảng dạy, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo điều dưỡng và đáp ứng tốt hơn nhu cầu nhân lực y tế trong bối cảnh hiện nay.

2. Xây dựng mô hình và giả thuyết nghiên cứu

2.1. Nhận thức về giảng dạy kỹ năng thực hành và sự chuẩn bị học tập

Trong bối cảnh đào tạo kỹ năng chuyên sâu, sự chuẩn bị học tập không chỉ là một yêu cầu mang tính thủ tục mà là một yếu tố nền tảng, quyết định chiều sâu của quá trình tiếp thu kiến thức. Nó bao gồm các hành vi chủ động của sinh viên như tìm hiểu tài liệu liên quan, xem lại quy trình kỹ thuật và quan trọng hơn là xây dựng một tâm thế sẵn sàng để tham gia vào các hoạt động thực hành (Jadalla và cộng sự, 2024). Một sinh viên được chuẩn bị tốt sẽ giảm được gánh nặng nhận thức trong buổi học, cho phép họ tập trung vào việc tư duy phản biện và xử lý các tình

huống lâm sàng thay vì chỉ cố gắng ghi nhớ các bước thao tác cơ bản.

Nhận thức của sinh viên về giảng dạy kỹ năng thực hành đóng vai trò là một yếu tố khởi đầu, có khả năng tác động mạnh mẽ đến mức độ chuẩn bị này (Jadalla và cộng sự, 2024). Khi sinh viên có nhận thức tích cực, họ không chỉ đơn thuần “thích” môn học, mà còn nhận ra giá trị và sự liên quan mật thiết của các kỹ năng được học đối với nghề nghiệp tương lai. Họ hiểu rằng, việc thành thạo các quy trình kỹ thuật tại phòng thực hành sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến sự an toàn của người bệnh và sự chuyên nghiệp của bản thân sau này. Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng này sẽ tạo ra một động lực nội tại, khiến họ sẵn sàng đầu tư nhiều thời gian và công sức hơn cho giai đoạn chuẩn bị để có thể tối đa hóa kết quả học tập.

H1. Nhận thức tích cực về giảng dạy kỹ năng thực hành có ảnh hưởng tích cực đến sự chuẩn bị học tập của sinh viên điều dưỡng.

2.2. Nhận thức về giảng dạy kỹ năng thực hành và năng lực nghề nghiệp

Năng lực nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng là một cấu trúc đa chiều, bao gồm không chỉ việc thực hiện thành thạo các kỹ thuật, mà còn cả nền tảng kiến thức chuyên môn vững chắc và sự thể hiện của các giá trị đạo đức, thái độ chuẩn mực (Brodowicz-Król và cộng sự, 2022). Ngoài việc ảnh hưởng gián tiếp thông qua sự chuẩn bị, nhận thức của sinh viên về giảng dạy còn có khả năng tác động trực tiếp đến sự hình thành và phát triển của cả ba khía cạnh này.

Mối liên hệ trực tiếp này xảy ra bởi vì nhận thức không phải là một trạng thái thụ động mà là một lăng kính nhận thức chủ động, định hình cách sinh viên tiếp cận và xử lý thông tin ngay trong quá trình học. Khi sinh viên có nhận thức tích cực và nhận thấy hoạt động giảng dạy có giá trị, sự tham gia của họ trong các buổi thực hành sẽ trở nên sâu sắc hơn (Abuadas, 2022). Thay vì chỉ bắt chước các thao tác một cách máy móc, họ sẽ chủ động tư duy về lý do đằng sau mỗi bước, liên kết kỹ thuật đang thực hiện với kiến thức y khoa nền tảng và suy nghĩ về cách ứng dụng kỹ năng đó trong các tình huống lâm sàng đa dạng. Quá trình xử lý thông tin ở mức độ sâu này giúp kiến thức và kỹ năng được củng cố một cách bền vững, hình thành nên năng lực thực sự thay vì một kỹ năng hời hợt.

H2. Nhận thức tích cực về giảng dạy kỹ năng thực hành có ảnh hưởng tích cực đến năng lực nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng.

2.3. Nhận thức về giảng dạy kỹ năng thực hành và hiệu quả học tập thực hành

Hiệu quả học tập thực hành phản ánh mức độ đạt được các mục tiêu đào tạo về kỹ năng và thái độ nghề nghiệp trong môi trường lâm sàng. Mức độ đạt được này thường cao hơn ở những sinh viên có nhận thức tích cực về giảng dạy bởi họ tham gia tích cực vào quá trình thực hành, áp dụng kiến thức một cách chủ động và duy trì thái độ học tập nghiêm túc (Zhang và cộng sự, 2020). Ngược lại, việc duy trì nhận thức hạn chế có thể ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả thực hành.

H3. Nhận thức tích cực về giảng dạy kỹ năng thực hành có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả học tập thực hành của sinh viên điều dưỡng.

2.4. Sự chuẩn bị học tập và năng lực nghề nghiệp

Hiệu quả học tập thực hành là thước đo cuối cùng, phản ánh mức độ mà một sinh viên đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra trong môi trường lâm sàng thực tế. Nó không chỉ đơn thuần là việc hoàn thành một danh sách các kỹ thuật mà còn bao gồm chất lượng thực hiện, sự chính xác, khả năng tuân thủ các quy trình an toàn và sự thể hiện một thái độ nghề nghiệp chuẩn mực. Mức độ thành công này chịu ảnh hưởng trực tiếp từ trạng thái tâm lý và mức độ tham gia của sinh viên trong suốt quá trình học (Suliman và cộng sự, 2022).

Trong bối cảnh đó, nhận thức của sinh viên về hoạt động giảng dạy đóng vai trò như một lăng kính tâm lý, định hình toàn bộ trải nghiệm học tập của họ. Khi sinh viên có nhận thức tích cực, họ tin rằng chương trình giảng dạy có giá trị, phù hợp và sẽ giúp họ thành công trong sự nghiệp. Niềm tin này hoạt động như một động lực mạnh mẽ, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng tham gia của họ. Cụ thể, một sinh viên có nhận thức tích cực sẽ có xu hướng tập trung cao độ hơn trong các buổi hướng dẫn, chủ động tìm cách áp dụng kiến thức lý thuyết đã học vào các tình huống thực tế và xem các thách thức hay sai sót như những cơ hội để học hỏi thay vì là thất bại. Thái độ học tập nghiêm túc và chủ động này giúp họ tiếp thu kỹ năng nhanh hơn, thực hiện thao tác chính xác hơn và hình thành tư duy phản biện trong môi trường lâm sàng.

H4. Sự chuẩn bị học tập có ảnh hưởng tích cực đến năng lực nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng.

2.5. Sự chuẩn bị học tập và hiệu quả học tập thực hành

Sự chuẩn bị học tập có thể được xem là một hành động đầu tư mang tính chiến lược của sinh viên vào

chính quá trình học của mình và khoản đầu tư này tạo ra những lợi ích trực tiếp và rõ rệt trong môi trường thực hành (Jadalla và cộng sự, 2024). Việc chuẩn bị kỹ lưỡng trước khi vào buổi thực hành giúp xây dựng một nền tảng kiến thức và sự quen thuộc với quy trình, từ đó làm giảm đáng kể cảm giác lo lắng và sợ hãi khi đối mặt với các kỹ thuật mới hoặc môi trường lâm sàng áp lực. Khi sự lo lắng giảm đi, sinh viên sẽ tự tin hơn để chủ động tham gia, đặt câu hỏi và thực hiện các thao tác. Sự tự tin này là yếu tố then chốt, cho phép họ chuyển từ vai trò của một người quan sát thụ động sang một người học tích cực, sẵn sàng tiếp nhận thử thách và không ngại đối mặt với sai sót để tiến bộ.

Sự chuẩn bị còn giúp giải phóng nguồn lực trí tuệ của sinh viên. Khi một sinh viên đã nắm vững lý thuyết và các bước cơ bản của một quy trình kỹ thuật, họ không cần phải tốn nhiều năng lượng não bộ để cố gắng nhớ lại "bước tiếp theo là gì?". Thay vào đó, họ có thể tập trung hoàn toàn vào chất lượng của thao tác, chú ý đến những chi tiết tinh vi, quan sát phản ứng của bệnh nhân (hoặc mô hình) và tư duy phản biện về tình huống đang diễn ra. Việc giảm tải nhận thức này trực tiếp nâng cao độ chính xác của kỹ thuật và giúp sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức một cách linh hoạt vào các tình huống lâm sàng cụ thể.

Cuối cùng, hiệu quả của quá trình học cũng được nâng cao rõ rệt. Một sinh viên đã có sự chuẩn bị sẽ tiếp thu hướng dẫn từ giảng viên nhanh hơn, bởi các thông tin mới được liên kết một cách dễ dàng vào khung kiến thức đã có sẵn. Họ có khả năng đặt ra những câu hỏi sâu sắc hơn, từ đó đẩy nhanh quá trình chuyển hóa từ hiểu biết lý thuyết sang làm chủ kỹ năng. Tất cả những yếu tố này - sự tự tin, độ chính xác và khả năng tiếp thu - hội tụ lại và trực tiếp nâng cao hiệu quả học tập thực hành, giúp sinh viên đạt được các mục tiêu đào tạo một cách toàn diện.

H5. Sự chuẩn bị học tập có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả học tập thực hành của sinh viên điều dưỡng.

2.6. Năng lực nghề nghiệp và hiệu quả học tập thực hành

Mối quan hệ giữa năng lực nghề nghiệp và hiệu quả học tập thực hành là mối quan hệ trực tiếp và nền tảng. Hiệu quả học tập thực hành chính là sự biểu hiện có thể quan sát được của năng lực nghề nghiệp - vốn là tập hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ đã được sinh viên nội tâm hóa (Suliman và cộng sự, 2022).

Năng lực nghề nghiệp cao thể hiện ở khả năng vận dụng tổng hợp và linh hoạt nhiều yếu tố. Một sinh viên có năng lực không chỉ thực hiện thao tác chính xác và an toàn mà còn xử lý tình huống lâm sàng một cách nhanh nhạy, biết cách thích ứng trước những diễn biến bất ngờ. Hơn nữa, năng lực này còn bao gồm thái độ chuyên nghiệp trong giao tiếp và tinh thần trách nhiệm, vốn là một phần không thể thiếu của việc chăm sóc sức khỏe hiệu quả (Brodowicz-Król và cộng sự, 2022).

Khi sinh viên thể hiện được sự kết hợp giữa kỹ thuật chính xác, tư duy linh hoạt và thái độ chuẩn mực, họ sẽ đạt được kết quả thực hành tốt hơn một cách tất yếu. Vì vậy, hiệu quả học tập thực hành là hệ quả trực tiếp và là sự phản ánh chân thực nhất năng lực nghề nghiệp mà sinh viên đã tích lũy.

H6. Năng lực nghề nghiệp có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả học tập thực hành của sinh viên điều dưỡng.

2.7. Vai trò trung gian của sự chuẩn bị học tập và năng lực nghề nghiệp

Mặc dù nhận thức tích cực về giảng dạy là một yếu tố khởi đầu quan trọng, tác động của nó đến hiệu quả học tập thực hành cuối cùng khó có thể là một con đường trực tiếp và đơn giản. Nhận thức là một trạng thái tâm lý, một thái độ, trong khi hiệu quả thực hành là một kết quả hành vi có thể đo lường được. Để một thái độ có thể chuyển hóa thành một kết quả hành vi cụ thể, nó thường cần đi qua các cơ chế trung gian mang tính hành động và phát triển năng lực. Do đó, mô hình nghiên cứu này cho rằng, ảnh hưởng của nhận thức lên hiệu quả thực hành được truyền tải thông qua hai biến trung gian then chốt: sự chuẩn bị học tập và năng lực nghề nghiệp.

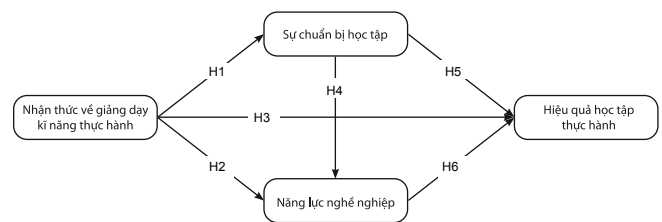
Thứ nhất, sự chuẩn bị học tập đóng vai trò là cơ chế trung gian hành vi. Nhận thức tích cực về giá trị của việc học sẽ không tự nó tạo ra kết quả nếu không được chuyển hóa thành những hành động cụ thể. Sự chuẩn bị (ôn luyện lý thuyết, xem trước kỹ thuật) chính là hành động hữu hình đầu tiên mà nhận thức tích cực tạo ra. Chính những hành động chuẩn bị này như đã lập luận ở trên, sẽ trực tiếp giúp sinh viên tự tin hơn, chính xác hơn và tiếp thu nhanh hơn trong môi trường lâm sàng, từ đó nâng cao hiệu quả học tập. Theo logic này, nhận thức không trực tiếp tạo ra hiệu quả, mà nó tạo ra sự chuẩn bị và sự chuẩn bị mới là yếu tố trực tiếp dẫn đến hiệu quả.

H7a. Sự chuẩn bị học tập đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa nhận thức về giảng dạy kỹ

năng thực hành và hiệu quả học tập thực hành của sinh viên điều dưỡng.

Thứ hai, năng lực nghề nghiệp đóng vai trò là cơ chế trung gian về phát triển kỹ năng. Nhận thức tích cực về giảng dạy tạo ra một môi trường thuận lợi để sinh viên không chỉ học mà còn thực sự làm chủ các kỹ năng như đã phân tích ở giả thuyết H2. Năng lực nghề nghiệp được hình thành và tích lũy trong suốt quá trình này, trở thành một nguồn lực nội tại của sinh viên. Khi đối mặt với các yêu cầu của buổi thực hành, sinh viên sẽ vận dụng chính nguồn lực năng lực này để thực hiện các thao tác và xử lý tình huống. Do đó, năng lực nghề nghiệp là cầu nối trực tiếp hơn đến hiệu quả thực hành. Nhận thức tích cực giúp xây dựng nên năng lực và năng lực đó được thể hiện ra thành hiệu quả.

H7b. Năng lực nghề nghiệp đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa nhận thức về giảng dạy kỹ năng thực hành và hiệu quả học tập thực hành của sinh viên điều dưỡng.



Hình 1: Mô hình lý thuyết

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp định lượng. Thiết kế nghiên cứu cắt ngang được sử dụng, trong đó dữ liệu được thu thập tại một thời điểm duy nhất để kiểm tra các mối quan hệ trong mô hình lý thuyết. Công cụ thu thập dữ liệu chính là một bảng câu hỏi khảo sát được xây dựng sẵn.

3.2. Quy trình xây dựng thang đo

Do bối cảnh đặc thù của đào tạo thực hành ngành điều dưỡng, các thang đo trong nghiên cứu được xây dựng mới dựa trên việc tổng hợp cơ sở lý thuyết liên quan và các mục tiêu nghiên cứu đã đề ra. Các biến quan sát (mệnh đề) được phát triển để phản ánh chính xác nội hàm của từng khái niệm nghiên cứu (biến tiềm ẩn). Bảng 1 trình bày chi tiết các biến và mệnh đề tương ứng.

Toàn bộ các mệnh đề được đo lường bằng thang đo Likert 5 mức độ, cho phép người trả lời thể hiện mức độ nhận thức hoặc đánh giá của mình. Các mức

Bảng 1: Các biến và mệnh đề

Biến và mệnh đề
Nhận thức về giảng dạy kỹ năng thực hành* Dạy học thực hành nghề nghiệp giữ vai trò quan trọng trong đào tạo cao đẳng nhóm ngành Điều Dưỡng – Hộ Sinh
Sự chuẩn bị học tập Sinh viên tại cơ sở y tế nắm vững nội dung thực tập, chỉ tiêu tay nghề Sinh viên tại cơ sở y tế có thể chuẩn bị đồng phục, sổ tay lâm sàng Sinh viên tại cơ sở y tế có thể tham gia chuẩn bị quy trình kỹ thuật cùng giảng viên hướng dẫn lâm sàng
Năng lực nghề nghiệp Sinh viên có năng lực hành vi đạo đức nghề nghiệp Sinh viên có kỹ năng chuyên sâu nghề nghiệp
Hiệu quả học tập thực hành Sinh viên nghiêm túc thực hiện nội quy của cơ sở y tế Sinh viên chấp hành làm việc theo sự phân công của cơ sở y tế Sinh viên biết cách hoàn thành báo cáo thực tập

(Ghi chú: * Biến một mệnh đề)

độ được quy ước như sau: 1 = “Rất không tốt”; 2 = “Không tốt”; 3 = “Bình thường”; 4 = “Tốt”; và 5 = “Rất tốt”. Riêng biến “Nhận thức về giảng dạy kỹ năng thực hành” được đo lường bằng một mệnh đề duy nhất do khái niệm này được xác định là đơn giản và dễ hiểu trong bối cảnh khảo sát.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Bảng câu hỏi khảo sát được gửi đến các đối tượng là sinh viên đang theo học và các cựu sinh viên đã tốt nghiệp, hiện đang là cán bộ nhân viên y tế tại các cơ sở y tế. Tiêu chí lựa chọn người tham gia là đã có kinh nghiệm tham gia ít nhất một chương trình đào tạo thực hành nghề nghiệp. Dữ liệu được thu thập trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2025 đến tháng 6 năm 2025.

Sau quá trình thu thập, dữ liệu được sàng lọc để loại bỏ các câu trả lời không hợp lệ (thiếu thông tin, các câu trả lời mâu thuẫn). Tổng số mẫu hợp lệ cuối cùng được đưa vào phân tích là 226, trong đó có 25 người là sinh viên (chiếm 11,1%) và 201 người là cựu sinh viên đang công tác trong ngành Y tế (chiếm 88,9%).

3.3. Phương pháp phân tích dữ liệu

Dữ liệu thu thập được phân tích bằng kỹ thuật Mô hình hóa phương trình cấu trúc Bình phương tối thiểu riêng phần (PLS-SEM) với sự hỗ trợ của phần mềm SmartPLS. Phương pháp này được lựa chọn vì tính ưu việt trong việc làm việc với các thang đo mới phát triển, kích thước mẫu không quá lớn và mục tiêu của nghiên cứu là dự báo và giải thích sự biến thiên của các biến phụ thuộc (Hair và cộng sự, 2018).

4. Kết quả nghiên cứu

Phần này trình bày kết quả phân tích dữ liệu bằng phương pháp Mô hình hóa phương trình cấu trúc Bình phương tối thiểu riêng phần (PLS-SEM) thông qua phần mềm SmartPLS. Kỹ thuật bootstrapping với 5.000 mẫu lặp lại đã được sử dụng để đánh giá ý nghĩa thống kê của các hệ số trong mô hình (Hair và cộng sự, 2018).

4.1. Độ tin cậy

Kết quả kiểm định mô hình đo lường cho thấy tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải ngoài (Outer loadings) lớn hơn 0,7. Composite Reliability của các khái niệm đều vượt ngưỡng 0,7. Giá trị phương sai trích trung bình (AVE) của từng khái niệm đều lớn hơn 0,5 - khẳng định giá trị hội tụ của thang đo.

4.2. Mô hình cấu trúc

Mô hình cấu trúc được đánh giá thông qua hệ số xác định R² và kết quả kiểm định các giả thuyết. Mức độ giải thích của mô hình (R²) cho thấy mô hình nghiên cứu giải thích được 10.7% sự biến thiên của biến Sự chuẩn bị học tập, 31.6% sự biến thiên của biến Năng lực nghề nghiệp và 49.8% sự biến thiên của biến Hiệu quả học tập thực hành. Mức độ giải thích này được xem là từ yếu đến đáng kể. Kết quả kiểm định chi tiết cho từng giả thuyết được trình bày trong Bảng 2.

Phân tích các mối quan hệ cho thấy, Nhận thức về giảng dạy có tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê đến cả Sự chuẩn bị học tập ($\beta = 0.328, p < 0.001$) và Năng lực nghề nghiệp ($\beta = 0.187, p = 0.011$). Do đó, giả thuyết H1 và H2 được hỗ trợ. Tương tự, Sự

Bảng 2: Độ tin cậy

Biến	Composite Reliability	AVE
Nhận thức về giảng dạy thực hành*	1.000	1.000
Sự chuẩn bị học tập	0.825	0.612
Năng lực nghề nghiệp	0.799	0.665
Hiệu quả học tập thực hành	0.775	0.534

(Ghi chú: Biến một mệnh đề có độ tin cậy và giá trị phương sai trích trung bình là 1)

chuẩn bị học tập cũng cho thấy ảnh hưởng tích cực và có ý nghĩa thống kê đến Năng lực nghề nghiệp ($\beta = 0.473$, $p < 0.001$) và Hiệu quả học tập thực hành ($\beta = 0.366$, $p < 0.001$). Do đó, giả thuyết H4 và H5 được hỗ trợ. Mối quan hệ giữa Năng lực nghề nghiệp và Hiệu quả học tập thực hành cũng có ý nghĩa thống kê với hệ số tác động dương ($\beta = 0.438$, $p < 0.001$), hỗ trợ giả thuyết H6.

Về vai trò trung gian, kết quả phân tích tác động gián tiếp cho thấy Sự chuẩn bị học tập đóng vai trò trung gian có ý nghĩa trong mối quan hệ giữa Nhận thức và Hiệu quả ($\beta = 0.120$, $p = 0.003$). Tương tự, Năng lực nghề nghiệp cũng là một biến trung gian có ý nghĩa trong mối quan hệ này ($\beta = 0.082$, $p = 0.017$). Do đó, cả hai giả thuyết H7a và H7b đều được hỗ trợ.

5. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu đã làm sáng tỏ cơ chế liên kết giữa nhận thức của sinh viên và hiệu quả học tập thực hành. Trọng tâm của nghiên cứu này không nằm ở từng mối quan hệ mà ở mô hình tổng thể mà chúng tạo nên.

Phát hiện chính là việc nhận thức về giảng dạy không tác động trực tiếp đến hiệu quả học tập thực hành. Điều này mang một ý nghĩa rằng, thái độ và niềm tin của sinh viên không tự động chuyển hóa thành kết quả, mà nó đóng vai trò là một yếu tố khởi đầu, kích hoạt một chuỗi hành vi học tập có mục tiêu (Brown & Chidume, 2022; Karabatak và cộng sự, 2023). Kết quả đã chứng minh nhận thức của sinh viên hoạt động thông qua hai con đường đồng thời và có ý nghĩa thống kê: nó thôi thúc sinh viên chuẩn bị học tập một cách kỹ lưỡng, đồng thời cũng giúp họ xây dựng năng lực nghề nghiệp. Phát hiện này đồng nhất với lý thuyết tự điều chỉnh học tập, vốn cho rằng, nhận thức về môi trường học tập sẽ kích

Bảng 3: Kết quả kiểm định mô hình cấu trúc

Giả thuyết	Hệ số đường dẫn (β)	P	Quyết định
H1. NT $\rightarrow$ CB	.328	.000	Chấp nhận
H2. NT $\rightarrow$ NL	.187	.003	Chấp nhận
H3. NT $\rightarrow$ HQ	.092	.103	Bác bỏ
H4. CB $\rightarrow$ NL	.473	.000	Chấp nhận
H5. CB $\rightarrow$ HQ	.347	.000	Chấp nhận
H6. NL $\rightarrow$ HQ	.417	.000	Chấp nhận
H7a. NT $\rightarrow$ CB $\rightarrow$ HQ	.114	.000	Chấp nhận
H7b. NT $\rightarrow$ NL $\rightarrow$ HQ	.078	.000	Chấp nhận

(Ghi chú: NT - Nhận thức về giảng dạy thực hành; CB - Sự chuẩn bị học tập; NL - Năng lực nghề nghiệp; HQ - Hiệu quả học tập thực hành)

hoạt các chiến lược để đạt được mục tiêu. Như vậy, sự chuẩn bị và năng lực nghề nghiệp là hai cơ chế, chuyển hóa thái độ ban đầu thành hiệu suất thực hành có thể đo lường được.

Nghiên cứu cũng khẳng định một trật tự nhân quả trong quá trình đào tạo kỹ năng. Việc chuẩn bị kỹ lưỡng là tiền đề để phát triển năng lực và năng lực là yếu tố quyết định một cách trực tiếp đến hiệu quả cuối cùng. Điều này nhấn mạnh rằng, sự thành công trong môi trường lâm sàng không phải là ngẫu nhiên mà là hệ quả của một quá trình có hệ thống, bắt đầu từ nhận thức, chuyển hóa thành sự chuẩn bị, được củng cố thành năng lực và biểu hiện ra hiệu quả công việc (O'Connell và cộng sự, 2014).

Từ những diễn giải trên, nghiên cứu mang đến những hàm ý cho công tác đào tạo. Về mặt lý thuyết, mô hình đã kiểm chứng và làm rõ một con đường tác động chỉ mang tính gián tiếp, bổ sung bằng chứng thực nghiệm cho lý thuyết trong bối cảnh đào tạo điều dưỡng. Về mặt thực tiễn, kết quả này là một thông điệp cho các nhà quản lý giáo dục và giảng viên.

6. Kết luận

Nghiên cứu này đã làm sáng tỏ cơ chế tác động của nhận thức về giảng dạy thực hành đến hiệu quả học tập của sinh viên điều dưỡng. Kết luận được rút ra là mối liên hệ này không mang tính trực tiếp, mà được trung gian hoàn toàn bởi hai yếu tố là sự chuẩn bị học tập và năng lực nghề nghiệp. Phát hiện này khẳng định rằng, để nâng cao chất lượng đào tạo, các

cơ sở giáo dục cần tập trung vào việc xây dựng cho sinh viên một nhận thức về vai trò và giá trị của việc học, đồng thời tạo ra một môi trường học tập có cấu trúc để biến nhận thức đó thành hành động chuẩn bị và năng lực chuyên môn. Dù đã đạt được mục tiêu, nghiên cứu vẫn còn những hạn chế. Việc thu thập dữ liệu theo thiết kế cắt ngang chưa thể hiện được sự thay đổi của các yếu tố theo thời gian. Mẫu nghiên cứu có thể bị giới hạn về tính đại diện và dữ liệu dựa

trên sự tự đánh giá của người tham gia. Từ những điểm này, các nghiên cứu trong tương lai có thể phát triển theo hướng thực hiện một nghiên cứu dọc để theo dõi sự tiến bộ của sinh viên, mở rộng phạm vi khảo sát cũng như kết hợp các phương pháp đánh giá từ bên ngoài để có một góc nhìn đa chiều hơn về quá trình hình thành năng lực nghề nghiệp của điều dưỡng viên.

Tài liệu tham khảo

- Abuadas, M. H. (2022). *A multisite assessment of Saudi Bachelor Nursing students' perceptions of clinical competence and learning environments: a multivariate conceptual model testing*. *Healthcare*, 10(12), 2554. <https://doi.org/10.3390/healthcare10122554>
- Brodowicz-Król, M., Kaczoruk, M., Kaczor-Szkodny, P. & Zarzycka, D. (2022). Development and Assessment of Professional Competences among Polish Nursing Students during a 3-Year Education Cycle Trying. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 19(12), 7192. <https://doi.org/10.3390/ijerph19127192>
- Brown, L. G. & Chidume, T. (2022). Don't forget about role play: An enduring active teaching strategy. *Teaching and Learning in Nursing*, 18(1), pp.238–241. <https://doi.org/10.1016/j.teln.2022.09.002>
- Dehghan, M., Heidari, F. G., Karzari, Z. & Shahrabaki, P. M. (2018). Integrated training (practicing, peer clinical training and OSCE assessment): a ladder to promote learning and training. *International Journal of Adolescent Medicine and Health*, 32(5). <https://doi.org/10.1515/ijamh-2017-0222>
- Emaliyawati, E., Ibrahim, K., Trisyani, Y. & Songwathana, P. (2025). The Effect of Integrated Simulation Experiential Learning Disaster Nursing for Enhancing learning Outcomes among undergraduate nursing Students: A Quasi-Experimental Study. *Advances in Medical Education and Practice*, Volume 16, pp.311–321. <https://doi.org/10.2147/amep.s489163>
- Hair, J. F., Risher, J. J., Sarstedt, M. & Ringle, C. M. (2018). When to use and how to report the results of PLS-SEM. *European Business Review*, 31(1), pp.2–24. <https://doi.org/10.1108/ebv-11-2018-0203>
- Jadalla, A., Hardan-Khalil, K., Dyo, M., Kardously, J., Skaff, K. & Williams, M. (2024). The perceived preparedness of prelicensure nursing students to transition to practice. *Teaching and Learning in Nursing*, 19(3), pp.260–264. <https://doi.org/10.1016/j.teln.2024.04.001>
- Jones, A., Williams, A. & Carson-Stevens, A. (2013). Integrating quality improvement into pre-registration education. *Nursing Standard*, 27(29), pp.44–48. <https://doi.org/10.7748/ns2013.03.27.29.44.e7244>
- Karabatak, S., Turan, G. B. & Alanoglu, M. (2023). The effect of nursing students' perceptions of ARCS motivational teaching on their academic self-efficacy and attitudes towards learning: A structural equation modeling. *Nurse Education Today*, 130, 105949. <https://doi.org/10.1016/j.nedt.2023.105949>
- Natarajan, J., Joseph, M. A., Shibli, Z. S. A., Hajji, S. S. A., Hanawi, D. K. A., Kharusi, A. N. A. & Maqbali, I. M. A. (2022). Effectiveness of an interactive educational video on knowledge, skill and satisfaction of nursing students. *Sultan Qaboos University Medical Journal*, 22(4), pp.546–553. <https://doi.org/10.18295/squmj.2.2022.013>
- O'Connell, J., Gardner, G. & Coyer, F. (2014). Beyond competencies: using a capability framework in developing practice standards for advanced practice nursing. *Journal of Advanced Nursing*, 70(12), pp.2728–2735. <https://doi.org/10.1111/jan.12475>
- Suliman, M., Aljezawi, M., Tawalbeh, L., Ta'an, W., Abdalrhim, A., AlBashtawy, M. & Alkhawaldeh, A. (2022). Assessing Professional Competencies among Undergraduate Nurses: an exploratory study. *Nursing Education Perspectives*. <https://doi.org/10.1097/01.nep.0000000000001074>
- Willemse, J. J. & Bozalek, V. (2015). Exploration of the affordances of mobile devices in integrating theory and clinical practice in an undergraduate nursing programme. *Curationis*, 38(2). <https://doi.org/10.4102/curationis.v38i2.1510>
- Zhang, B., Ma, Q., Cui, X., Xiao, Q., Jin, H., Chen, X. & Chen, Y. (2020). Effectiveness of experiential teaching method on the development of nursing students' skill competence: a systematic review and meta-analysis. *Frontiers of Nursing*, 7(4), pp.359–368. <https://doi.org/10.2478/fon-2020-0045>